

Số: 01/TB-UBND

Biên Giang, ngày 03 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO

**Về việc niêm yết công khai phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024
phường Biên Giang**

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/ 2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 7339/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND quận Hà Đông về việc giao chỉ tiêu kinh tế- xã hội và phân bổ dự toán thu - chi ngân sách quận Hà Đông năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của UBND phường Biên Giang về việc giao chỉ tiêu kinh tế- xã hội và phân bổ dự toán thu - chi ngân sách phường Biên Giang năm 2024 .

UBND phường Biên Giang niêm yết công khai số liệu phân bổ dự toán thu-chi ngân sách nhà nước năm 2024 (kèm theo Quyết định công khai dự toán ngân sách năm 2024 và các biểu liên quan)

Địa chỉ niêm yết: Tại trụ sở UBND phường Biên Giang (đóng trên bảng tin).

Thời gian niêm yết: 30 ngày kể từ ngày 03/01/2024 đến hết ngày 03/02/2024

Vậy UBND phường Biên Giang thông báo tới toàn thể nhân dân được biết, đến tại trụ sở UBND phường để xem niêm yết công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước và đóng góp ý kiến./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy - UBND phường;
- Các ngành đoàn thể phường;
- Đài truyền thanh phường;
- Lưu : VT.



CHỦ TỊCH

Đỗ Thị Thu Hà

Số: 05 /QĐ-UBND

Biên Giang, ngày 03 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của phường Biên Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 32/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về thi điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 7339/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND quận Hà Đông về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của quận Hà Đông;

Căn cứ Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của UBND phường Biên Giang về giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội và phân bổ dự toán thu - chi ngân sách phường Biên Giang năm 2024;

Xét đề nghị của bộ phận tài chính - kế toán phường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân phường, bộ phận tài chính phường và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- UBND quận Hà Đông;
- Phòng TC-KH quận Hà Đông;
- Đảng ủy, UBND phường;
- Các ban, ngành, đoàn thể phường;
- Các tổ dân phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Đỗ Thị Thu Hà

Đơn vị: UBND PHƯỜNG BIÊN GIANG

Chương: 799

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 của UBND phường Biên Giang)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng.

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách	2.456.000.000
I	Tổng số thu ngân sách	2.456.000.000
1	Dự toán giao đơn vị thu nộp ngân sách	1.095.000.000
1.1	Phí, lệ phí	80.000.000
1.2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp khối hộ	850.000.000
1.3	Thu từ hoa lợi công sản, đất công ích	75.000.000
1.4	Thu khác ngân sách	90.000.000
2	Giao phối hợp với Chi cục Thuế thu	1.361.000.000
2.1	Lệ phí môn bài	31.000.000
2.2	Thuế GTGT	900.000.000
2.3	Thuế TTĐB	-
2.4	Thuế thu nhập cá nhân	430.000.000
II	Chi từ nguồn thu được để lại	-
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-
III	Số thu nộp NSNN	2.456.000.000
1	Dự toán giao đơn vị thu nộp ngân sách	1.095.000.000
1.1	Phí, lệ phí	80.000.000
1.2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp khối hộ	850.000.000
1.3	Thu từ hoa lợi công sản, đất công ích	75.000.000
1.4	Thu khác ngân sách	90.000.000
2	Giao phối hợp với Chi cục Thuế thu	1.361.000.000
2.1	Lệ phí môn bài	31.000.000
2.2	Thuế GTGT	900.000.000

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
2.3	Thuế TTĐB	-
2.4	Thuế thu nhập cá nhân	430.000.000
B	Tổng dự toán chi	8.820.344.000
	- Nguồn thu được để lại đơn vị	77.253.000
	- Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.743.091.000
	- Trong đó tiết kiệm chi thường xuyên 10%	363.099.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	6.774.528.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.752.271.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.022.257.000
2	Chi quốc phòng	696.481.000
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	696.481.000
3	Chi an ninh	690.479.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	690.479.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	45.800.000
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	45.800.000
5	Chi bảo đảm xã hội	398.056.000
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	398.056.000
6	Chi hoạt động kinh tế	34.400.000
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	34.400.000
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	22.900.000
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	22.900.000
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	100.400.000
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	100.400.000
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	22.900.000
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	22.900.000

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	34.400.000
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	34.400.000
II	Nguồn vốn viện trợ	-
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-

